

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 27 tháng 06 năm 2016)

Sơn La, tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang số</i>
I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04	03
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	03
2. Cơ cấu tổ chức, nhân sự	05
3. Bộ máy quản lý.....	07
4. Cơ cấu lao động.....	13
5. Định hướng phát triển	15
6. Các nhân tố rủi ro	16
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
A. Tình hình hoạt động SXKD và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015.....	18
1. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD	18
2. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu năm 2015.....	19
3. Tình hình thi công tại các công trình	20
B. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015.....	22
1. Đánh giá công tác quản lý Công ty	22
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị	22
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	24
V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ THÀNH VIÊN QUẢN TRỊ CÔNG TY	70

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04**1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN****Giới thiệu chung**

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04
Tên Tiếng Anh	:	Song Da 7.04 Joint Stock Company
Tên viết tắt tiếng Anh	:	SONGDA 7.04.,JSC
Trụ sở chính	:	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Điện thoại	:	(0420) 236 699
Website	:	songda704.com.vn
Email	:	songda704@gmail.com
Tài khoản số	:	4131 000000 0285 tại Phòng giao dịch Mường La – Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Sơn La
Giấy CNĐKKD	:	Số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 27/06/2016
Mã số thuế	:	5500296523
Vốn điều lệ	:	64.800.000.000 (Sáu mươi tư tỷ, tám trăm triệu) đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	:	125.413.956.667 (Một trăm hai năm tỷ, bốn trăm mười ba triệu, chín trăm năm sáu nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng./)
Mã cổ phiếu	:	S74

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy điện, bưu điện;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền chủ sở hữu, hoặc đi thuê;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính và đầu tư các dự án khác mà pháp luật cho phép;
- Đầu tư, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Kinh doanh bán điện;
- Sản xuất và kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ khác sạn;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí.

Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu tại địa bàn Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh phía bắc.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Năm 2003

Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 được thành lập và được giao nhiệm vụ sản xuất bê tông thương phẩm và sản xuất các loại đá dăm phục vụ thi công công trình thủy điện Tuyên Quang. Trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2006 đơn vị đã được đầu tư 01 trạm trộn bê tông công suất 120 m³/h, 02 trạm nghiền công suất 100.000 m³/năm; 250.000 m³/năm cùng nhiều xe máy thiết bị phục vụ khác và đơn vị đã vận hành sản xuất đáp ứng đầy đủ lượng cát, đá dăm và vữa bê tông thương phẩm theo yêu cầu tiến độ công trường đặt ra đảm bảo cho công trình thủy điện Tuyên Quang đi vào phát điện theo đúng kế hoạch mà chính phủ đề ra.

Với kinh nghiệm và uy tín đã có được khi tham gia phục vụ công tác cung cấp vật liệu cho công trình thủy điện Tuyên Quang, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 tiếp tục được giao nhiệm vụ sản xuất vữa bê tông thương phẩm và sản xuất cát, đá dăm các loại để phục vụ thi công công trình thủy điện Sơn La.

Năm 2006

Tháng 07/2006, thực hiện chủ trương nâng cao năng lực sản xuất, tập trung sắp xếp lại cơ cấu ngành nghề trong doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 quyết định sáp nhập hai đơn

vị Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 và lấy tên là Xí nghiệp Sông Đà 70.4.

Để đáp ứng nhiệm vụ mới được giao, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 tiếp tục được đầu tư mới thêm 02 trạm nghiền có công suất 350.000 m³/năm, 650.000 m³/năm đồng thời cải tạo 02 dây chuyền cũ sản xuất sản phẩm mới là cát xay để phục vụ công tác thi công bê tông đầm lăn tại thủy điện Sơn La và đầu tư thêm 01 trạm trộn bê tông công suất 130 m³/h.

Năm 2007

Ngày 21 tháng 12 năm 2007, Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập với tổng số vốn điều lệ là 40.000.000.000, tương ứng với 4.000.000 cổ phần.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động ngày 26 tháng 12 năm 2007 với mức vốn điều lệ là 40 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04

Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;
- Các công ty con

Cơ quan Công ty:

Cơ quan Công ty bao gồm hai khối: Khối phòng ban chức năng và khối các phân xưởng, đội sản xuất trực thuộc Công ty. Hai khối này thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể dưới sự điều hành của Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc phụ trách. Thành phần của hai khối cụ thể như sau:

Khối các phòng chức năng:

- Phòng tổ chức hành chính;
- Phòng thiết bị - kỹ thuật;
- Phòng Kinh tế Tổng hợp;
- Phòng tài chính kế toán.

Khối các phân xưởng, đội trực thuộc:

- Các phân xưởng Sản xuất bê tông;
- Các phân xưởng nghiền sàng;
- Đội xây lắp tổng hợp số 1;

- Đội xe thi công cơ giới;

Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

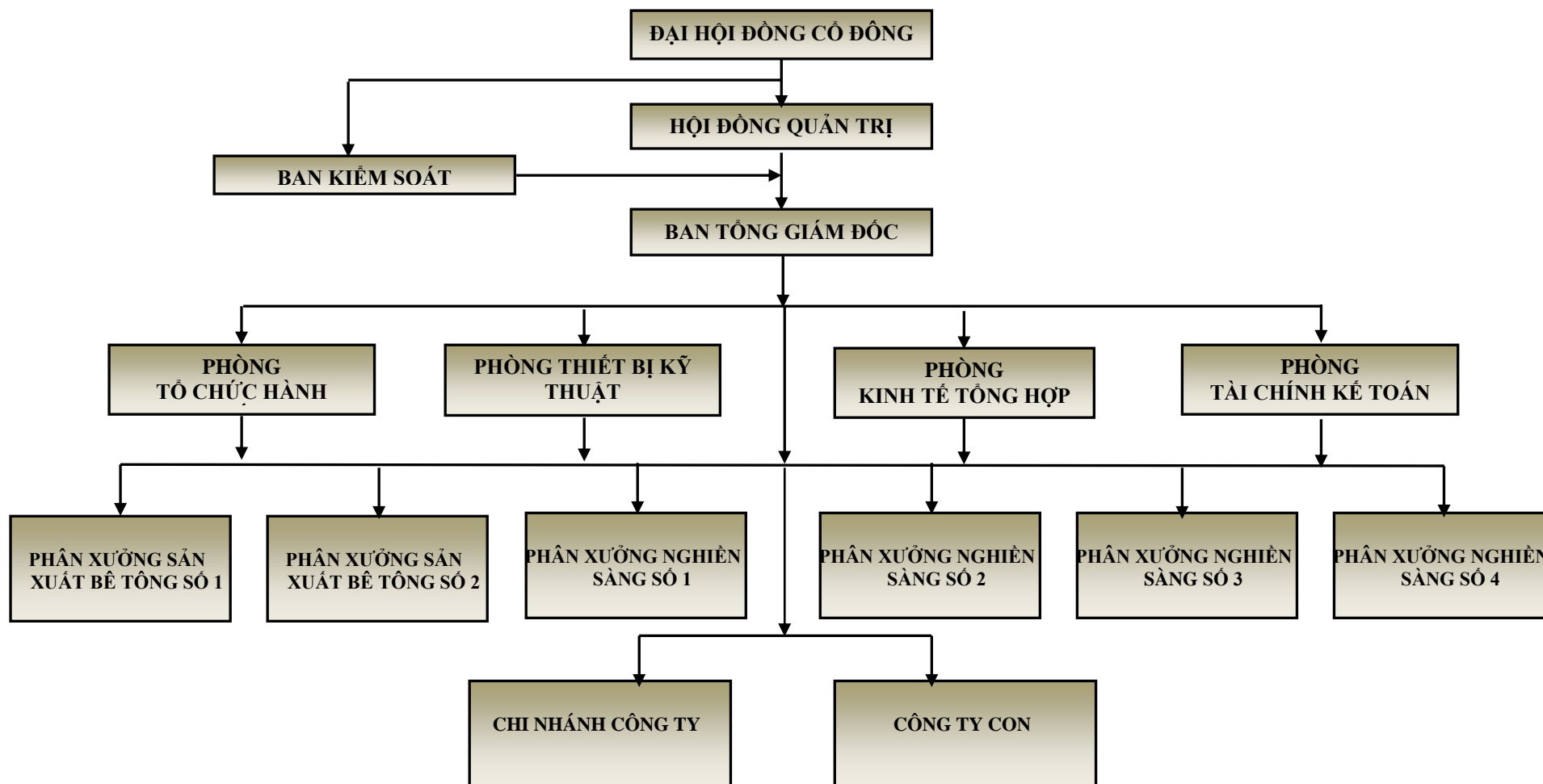
TT	Tên chi nhánh trực thuộc	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1	Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình	Thị trấn Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Hoạt động theo ngành nghề kinh doanh của Công ty

Các Công ty ty con:

TT	Tên công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
2	Công ty CP thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7	Xã Đung Knó, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Xây dựng, quản lý vận hành các công trình thủy điện

3. BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCD có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCD thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCD, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCD thông qua quyết định;

- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên HĐQT:

1. Ông **Nguyễn Hữu Doanh** Ủy viên HĐQT
2. Ông **Nguyễn Văn Cường** Ủy viên HĐQT
3. Ông **Nguyễn Xuân Đức** Chủ tịch HĐQT
4. Ông **Nguyễn Hữu Nhuận** Ủy viên HĐQT
5. Ông **Hoàng Nguyên Ngọc** Ủy viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông **Phạm Minh Thuận** Trưởng BKS
2. Ông **Nguyễn Trọng Tiêu** Thành viên BKS
3. Ông **Quát Văn Quang** Thành viên BKS

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 04 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 03 Phó tổng giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Giúp việc cho Tổng giám đốc có 03 Phó tổng giám đốc

Danh sách Ban Tổng giám đốc:

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 1. Ông Trần Văn Tài | Tổng giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Văn Cường | Phó tổng giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Anh Lam | Phó tổng giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Trọng Bắc | Phó tổng giám đốc |

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;

- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

PHÒNG THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Phòng thiết bị kỹ thuật có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất. Trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh an toàn và bảo hộ lao động của Công ty. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;
- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;
- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;
- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;
- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG KINH TẾ TỔNG HỢP

Phòng Kinh tế tổng hợp có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phần xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phần xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;

- Tổ chức đơn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

4. CƠ CẤU LAO ĐỘNG

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 có 122 CBCNV, cơ cấu lao động được thể hiện ở bảng sau:

- **Cơ cấu lao động của Sông Đà 7.04 (tại thời điểm 31/12/2016)**

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Cao Đẳng	33	27,04%
2	Trung + Sơ cấp	4	3,27%
3	Công nhân kỹ thuật	85	69,69%
Tổng cộng		122	100%

- **Chính sách đối với người lao động:**

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự

đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, v.v... .

Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của SĐ7.04 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật.

Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBCNV đã góp phần giúp Sông Đà 7.04 duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Hệ thống lương của Sông Đà 7.04 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7.04 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7.04 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7.04, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 26/12/2007. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Định hướng và mục tiêu phát triển của Sông Đà 7.04 là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm, trong đó ưu tiên phát triển ngành nghề khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng là thế mạnh truyền thống của Công ty, để nâng cao vị thế, củng cố thương hiệu và mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao nhất. Bên cạnh đó chuyển đổi sang ngành nghề kinh doanh xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, kinh doanh điện, vận tải và nhà ở khác,...
- Sông Đà 7.04 xác định rõ mục tiêu: lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững của Công ty, phát huy tối đa mọi nguồn lực đang có, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Sông Đà 7.04 với các mục tiêu lớn: “Sản xuất công nghiệp – Đầu tư – Kinh doanh dịch vụ”.
- Từng bước xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh đó cũng quan tâm xây dựng một đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp đáp ứng được các yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại trong tương lai.

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, phát triển nguồn vốn tự có của đơn vị, đảm bảo tỷ lệ cổ tức hàng năm cho các cổ đông của Công ty;
- Phần đầu trở thành một đơn vị mạnh toàn diện, với đa ngành đa nghề, có năng lực cạnh tranh cao trong môi trường kinh tế hội nhập;
- Đảm bảo tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty, từng bước nâng cao cuộc sống vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh;

6. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

▪ RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong năm 2016, nền kinh tế thế giới và trong nước đã qua giai đoạn khó khăn và đang tăng trưởng trở lại song chưa thực sự ổn định, điều này đòi hỏi Sông Đà 7.04 phải thực sự nỗ lực trong việc tìm kiếm công việc để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam đang chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều bởi tình hình chung của kinh tế thế giới và năm 2015 mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam đang tăng trở lại do tác động của các hiệp định kinh tế quan trọng được ký trong năm. Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước đang được cải thiện, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng đang phục hồi và đây cũng là thuận lợi tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới quy mô sản xuất, khả năng tăng trưởng, phát triển của ngành sản xuất vật liệu nói chung cũng như Sông Đà 7.04 nói riêng.

Lạm phát

Các vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực, lạm phát Việt Nam đang tiếp tục được duy trì ở mức ổn định hợp lý. Với các chỉ số và các dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong đó có Sông Đà 7.04.

Lãi suất

Hiện nay, vốn vay của Sông Đà 7.04 chiếm khoảng 42,6% vốn chủ sở hữu, là vốn vay ngắn hạn với lãi suất hiện nay 9%/năm. Như vậy, tỷ lệ này của Công ty là đang ở mức bình thường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Rủi ro lãi suất có thể xảy ra khi lãi suất tăng biến động bất thường. Lãi suất tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí tài chính và gây ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty.

▪ **RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP**

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 là Công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

▪ **RỦI RO ĐẶC THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng không những đòi hỏi dây chuyền sản xuất phải hiện đại, đồng bộ, sản xuất sản phẩm liên tục mà Doanh nghiệp còn phải đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định, thị trường tiêu thụ sản phẩm đảm bảo tiêu thụ hết những sản phẩm sản xuất ra. Với tình hình hiện nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành, Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn để giữ vững được thị phần cũng như khẳng định năng lực sản xuất, tài chính của mình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung ứng các loại vật liệu xây dựng phục vụ cho công tác thi công các hạng mục tại các công trình thủy điện lớn của đất nước như: thủy điện Nậm Chiến, thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu. Vì vậy, những rủi ro xuất phát từ tổ chức thi công tại các công trình này có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty, cụ thể như:

- Các công trình thủy lợi, thủy điện thi công chủ yếu tại các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa nên các điều kiện thi công và cuộc sống của người lao động gặp không ít khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro về điều kiện kinh tế xã hội của vùng dự án;
- Các điều kiện về kỹ thuật thi công được chủ đầu tư áp dụng tại các dự án thủy điện là rất khắc khe, đòi hỏi các quy trình thi công đến nghiệm thu rất nghiêm ngặt. Do đó, ở đây cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các hoạt động SXKD của Công ty.
- Công tác nghiệm thu, thanh toán thường kéo dài dẫn đến việc quay vòng vốn rất chậm bên cạnh đó công tác ban hành đơn giá, định mức công trình cũng rất chậm dẫn đến việc tồn đọng vốn do chủ đầu tư chưa có căn cứ thanh toán cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động SXKD

của Công ty.

Thêm nữa là giá cả các yếu tố đầu vào của ngành sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, cát, đá dăm thường xuyên biến động. Trong khi đó, nguồn tài nguyên thiên nhiên để khai thác phục vụ sản xuất ngày càng khan hiếm. Các lý do này đã làm chi phí đầu vào cho hoạt động tăng cao và gây ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong ngành, khẳng định được vị thế của Công ty khi tham gia các công trình trọng điểm quốc gia, tạo được uy tín đối với các đối tác, chủ đầu tư, bên cạnh đó Công ty còn được sự hỗ trợ rất lớn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nên việc đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

▪ **RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Việc niêm yết cổ phiếu Sông Đà 7.04 trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

▪ **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2016

1. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016, tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 đã nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất tại các công trình, dự án của Đơn vị. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nên hoạt động SXKD của Công ty chưa hoàn thành một số mục

tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã kết thúc; Nợ đọng vốn tại các công trình còn khá lớn; Định mức đơn giá đầu thu các công trình chỉ định thầu được Chủ đầu tư phê duyệt giảm mạnh so với chi phí thực tế; Các công trình mới tham gia chưa phát huy hiệu quả so với chi phí đầu tư; Thị trường bán hàng đầu ra gặp rất nhiều khó khăn; Giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào có nhiều biến động,... Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị, Bộ máy quản lý điều hành cùng với tinh thần lao động sản xuất khắc phục mọi khó khăn của tập thể CBCNV công ty, đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ và đạt được một số kết quả như sau:

- Hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng, đảm bảo chất lượng, tiến độ của các công trình xây dựng theo yêu cầu của các dự án đó.
- Công tác sắp xếp lại, thu gọn, đổi mới mô hình hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được chú trọng, năng lực của bộ máy quản lý, điều hành các cấp, trình độ tay nghề công nhân kỹ thuật được nâng cao, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu SXKD của Công ty trong tình hình mới.
- Công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm, mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh được quan tâm, từng bước tiếp cận, chọn lọc các công việc phù hợp, có hiệu quả và khả năng phát triển lâu dài để triển khai thực hiện.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được một số chỉ tiêu kế hoạch đảm bảo, cơ bản đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, duy trì ổn định doanh nghiệp theo cơ cấu và mô hình mới.

2. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu đạt được:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	150,456	156,857	104%
2	Doanh số bán hàng	Tỷ đồng	232,911	223,814	96%
3	Tiền về tài khoản	Tỷ đồng	316,961	343,612	108%
4	Các khoản nộp NN	Tỷ đồng	11,456	9,435	82%
5	Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	5,584	5,295	95%

6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-9,654	-19,660	204%
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	60	64,8	108%
8	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	0	132,753	-
9	Chi phí QLDN	Tỷ đồng	4,397	3,656	83%
10	Tỷ lệ cổ tức	%	-	-	-

3. Tình hình thi công sản xuất tại các công trình, dự án:

3.1. Công trình thủy điện Lai Châu:

- Hoàn thành tiến độ công trình, đảm bảo hoạt động sản xuất cát đá các loại đáp ứng nhu cầu các đơn vị trên công trường.

- Khối lượng sản xuất và cung cấp đá cát các loại: 33.260 m³/KH: 30.000 m³ đạt 110% KH năm.

3.2. Công trình thủy điện Huội Quảng:

- Hoàn thành tiến độ công trình, đảm bảo hoạt động sản xuất cát đá các loại đáp ứng nhu cầu các đơn vị trên công trường.

- Khối lượng sản xuất và cung cấp đá cát các loại: 33.341 m³/KH: 30.000 m³ đạt 111% KH năm.

3.3. Mỏ đá Bình Thanh, Cao Phong, Hòa Bình:

- Hoạt động sản xuất và bán hàng tại mỏ đá Bình Thanh chủ yếu cung cấp cho thị trường tỉnh Hòa Bình và vùng phụ cận, phụ thuộc rất nhiều vào thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng, mức độ cạnh tranh cao giữa các mỏ cùng khu vực.

- Khối lượng khai thác đá hộc và sản xuất đá dăm các loại là: 29.998 m³/KH: 41.500 m³ đạt 72% KH năm.

3.4. Mỏ đá Om Làng, Cao Dương, Lương Sơn, Hòa Bình:

* Các công tác đã hoàn thành trong năm 2016:

- Hoàn thành xây dựng các công trình phụ trợ như: Tường chắn, móng máy trạm nghiền; Đường dây và trạm biến áp cấp điện sản xuất và sinh hoạt; Đường giao thông ra vào mỏ; Xây dựng các hạng mục lán trại nhà ở, nhà điều hành sản xuất, nhà làm việc; Trạm cân, trạm gác bảo vệ,... để phục vụ dự án.

- Di chuyển, lắp đặt, đưa vào vận hành 02 dây truyền nghiền sàng với tổng công suất lắp đặt là 2 x 250 Tấn /h tại khu vực mỏ đá phục vụ sản xuất.
- Quy hoạch mặt bằng mỏ, bóc tầng phủ mỏ, làm đường công vụ và triển khai tạo máng khai thác để triển khai dự án thực hiện theo kế hoạch.
- Bước đầu đã tổ chức khoan nổ khai thác đá học và chế biến sản xuất các chủng loại đá xây dựng cung cấp cho thị trường.

3.5. Sản xuất cung cấp vữa bê tông thương phẩm tại Hà Nội:

- Tổ chức mô hình bộ máy quản lý, sản xuất ổn định để cung cấp vữa bê tông thương phẩm cho các đối tác khách hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội và vùng phụ cận.
- Khối lượng sản xuất và cung cấp vữa bê tông thương phẩm là: 55.620 m³/KH: 60.000 m³ đạt 93% KH năm.

3.6. Công trình thủy điện Nậm Thi 2 – xã Sơn Bình – Tam Đường – Lai Châu:

- Cơ bản hoàn thành các mốc tiến độ và đảm bảo chất lượng công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Phối hợp tốt với các đơn vị liên quan để triển khai công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn đảm bảo kế hoạch.
- Khối lượng thi công chính đạt được năm 2016:
 - + Đào đất, phá đá các loại : 112.437 m³ /KH: 138.670 m³ đạt 81% KH năm.
 - + Đắp đất, đá các loại : 4.150 m³ /KH: 23.000 m³ đạt 18% KH năm.
 - + Sản xuất vận chuyển bê tông : 8.250 m³ /KH: 8.000 m³ đạt 103% KH năm.

3.7. Công tác sắp xếp tổ chức quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

- Trước nhiệm vụ và tình hình tổ chức sản xuất tại các công trình, dự án. Ban lãnh đạo điều hành Công ty đã xây dựng, triển khai một số mô hình tổ chức, quản lý áp dụng cho từng khu vực, cụ thể:
- Tại Lai Châu, Huội Quảng: Tổ chức quản lý điều hành tập trung, các Phân xưởng nghiền sàng và Đội cơ giới phục vụ thi công sản xuất ổn định, đáp ứng tiến độ cũng như chất lượng sản phẩm tại công trình.
 - Tại thủy điện Nậm Thi 2, Nhiệt điện Thái Bình 2: Công ty đã thành lập các Ban chỉ huy công trường để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tại Hà Nội, mỏ đá Bình Thanh, mỏ đá Cao Dương: Tổ chức giao nhận khoán trực tiếp cho các cá nhân, đội, phân xưởng để nâng cao hiệu quả và tăng tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với mô hình quản lý theo xu hướng mới.

B. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

1. Đánh giá công tác quản lý công ty

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- HĐQT công ty thường xuyên tiến hành họp để kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD quý trước và bàn các biện pháp tổ chức thực hiện quý sau. Phê duyệt kết quả SXKD hàng quý, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch và định hướng trung, dài hạn.

- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Các quyết định mang tính chiến lược cũng như quyết định hàng ngày trong hoạt động SXKD luôn chính xác, kịp thời.

- Bộ máy quản lý của Công ty luôn đoàn kết, năng động, có trách nhiệm cao trong công việc được giao, là đơn vị có uy tín đối với các chủ đầu tư, tập thể người lao động.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016

- Tổ chức sắp xếp định biên lại bộ máy điều hành của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn đảm bảo gọn nhẹ làm việc linh hoạt, kịp thời, nâng cao hiệu suất lao động phù hợp với mô hình quản lý của Công ty từng giai đoạn phát triển.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng mô hình quản lý áp dụng cho từng khu vực và từng lĩnh vực SXKD của Công ty phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các quy định của Pháp luật và các quyết định của HĐQT Công ty.

- Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến Ban kiểm soát các vấn đề thuộc chức năng và nhiệm vụ của HĐQT trước khi đưa ra các Nghị quyết, quyết định hoặc trình đại hội đồng cổ đông.

- Xây dựng kế hoạch phát triển SXKD của Công ty năm 2017 theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

- **Trong năm 2016 HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết và 06 Quyết định với các nội dung chủ yếu sau:**
 - Kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SX kinh doanh và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng Quý.
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014.
 - Các Quyết định về công tác tổ chức và cán bộ đã được HĐQT thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Điều lệ Công ty, trên nguyên tắc vì nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đơn vị, trên cơ sở năng lực, trình độ thực tế của cán bộ, đảm bảo đủ điều kiện đề bạt và bổ nhiệm.
 - Các Quyết định đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công, vay vốn của các tổ chức tín dụng.
- **Thay đổi thành viên HĐQT**
 - Ông Nguyễn Hữu Nhuận được bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị ngày 26/05/2016
 - Ông Trịnh Quang Thạnh từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 26/05/2016
 - Ông Nguyễn Hữu Doanh thôi giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 22/09/2016
 - Ông Nguyễn Xuân Đức được bầu giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 22/09/2016
- **Thay đổi thành viên BKS**
 - Ông Quát Văn Quang được bổ nhiệm là thành viên Ban kiểm soát từ ngày 10/03/2016
 - Ông Lê Văn Khánh từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 10/03/2016
- **Thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc**
 - Ông Trần Văn Tài được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty từ ngày 16/02/2016
 - Ông Nguyễn Xuân Đức thôi giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty từ ngày 16/02/2016
 - Ông Nguyễn Trọng Bắc được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc từ ngày 26/05/2016
- **Giao dịch của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan**
 - * Giao dịch cổ phiếu
 - Giao dịch cổ đông nội bộ: Không có
 - Giao dịch cổ đông lớn:
 - + Ông Trần Hữu Duyên trở thành cổ đông lớn từ ngày 10/6/2016, sở hữu 307.300/VĐL: 6.000.000 cổ phần (tỷ lệ: 5,12% vốn điều lệ).

+ Ông Phạm Đức Thuận trở thành cổ đông lớn từ ngày 09/9/2016, sở hữu 1.122.596 CP/VĐL: 6.480.000 cổ phần (tỷ lệ: 17,32%).

+ Ông Nguyễn Văn Hùng trở thành cổ đông lớn từ ngày 09/9/2016, sở hữu 800.000 CP/VĐL: 6.480.000 CP (tỷ lệ: 12,35%).

+ Công ty TNHH Đầu tư thương mại Sông Đà Miền Bắc trở thành cổ đông lớn ngày 09/9/2016, sở hữu 1.520.000 CP/VĐL: 6.480.000 CP (tỷ lệ: 23,46%).

+ Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã bán 3.120.000 CP, không còn là cổ đông lớn từ ngày 09/9/2016. Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 249.600 CP (tỷ lệ 3,85%)

* Giao dịch khác: Không có

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



Số: 1213/2017/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được lập ngày 25 tháng 03 năm 2017 từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khi thực hiện quyết toán công trình nhà máy thủy điện Yan Tann Sien, Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 (công ty con) thực hiện điều chỉnh giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của công trình Nhà máy thủy điện Yan Tann Sien và ghi giảm nợ phải trả nhà thầu với số tiền 16.204.372.273 VND, đồng thời đã ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của một số giá trị hạng mục công trình và công nợ phải trả nhà thầu với giá trị 4.209.536.612 VND khi chưa có xác nhận bằng văn bản của các bên (xem thuyết minh số 11). Tương ứng với việc điều chỉnh này là ghi nhận tăng và giảm nợ phải trả đối với một số nhà thầu xây dựng nhưng đến thời điểm này vẫn chưa được các bên có liên quan ký xác nhận giá trị điều chỉnh cũng như chưa được đối chiếu số dư tại các ngày kết thúc niên độ kế toán. Trong năm 2016, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các đối tượng nêu trên với số tiền 6.685.982.563 VND.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

4

Trang 25

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La: Tel: 0420 236 699; Website: www.songda704.com.vn

Một số khoản nợ phải thu và nợ phải trả của Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 tương ứng với số tiền 8.701.432.595 VND và 14.772.307.465 VND liên quan đến công trình nhà máy thủy điện Yan Tann Sien chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2016. Ngoài ra, kiểm toán viên cũng không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt với số tiền là 915.832.532 VND tại ngày kết thúc năm tài chính. Các hạn chế này chúng tôi cũng không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế do hạn chế từ phía Công ty này.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 đã quyết định trích lập dự phòng rủi ro đối với các hợp đồng giao thầu xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Yan Tann Sien với số tiền 5.415.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp các tài liệu kế toán có liên quan đến khoản dự phòng đã trích lập này. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về tính hợp lý của dự phòng đã trích lập. Với các bằng chứng kiểm toán đã thu thập, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất liên quan tới các vấn đề nêu trên của công ty con này hay không (xem thuyết minh số 20).

Kết luận của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 30,5 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối âm 5,7 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được trình bày tại thuyết minh số 1.

Trong năm 2016, Công ty mẹ đang thực hiện điều chỉnh lại khung khấu hao đối với một số Máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải truyền dẫn. Điều này dẫn đến chi phí khấu hao năm 2016 giảm so với khi trích theo khung khấu hao cũ năm 2015 số tiền là 4,1 tỷ đồng (xem thuyết minh số 2.9).

Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (đã tạm dừng hoạt động) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Do đó Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các Công ty liên kết này đang được trình bày theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 với số tiền là 1.598.000.000 VND (xem thuyết minh số 13).

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán viên.



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2013-002-1

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		213.290.639.429	308.302.534.865
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.450.668.528	3.440.058.676
111	1. Tiền		4.450.668.528	3.440.058.676
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		151.003.747.806	191.416.687.050
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	121.146.794.237	181.635.747.881
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	23.911.104.050	2.002.739.328
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	5.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.157.944.999	9.773.115.440
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.212.095.480)	(1.994.915.599)
140	IV. Hàng tồn kho	9	56.251.536.144	113.374.067.081
141	1. Hàng tồn kho		56.251.536.144	113.374.067.081
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.584.686.951	71.722.058
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	83.489.999	56.888.000
152	2. Thuế GIGT được khấu trừ		1.501.196.952	14.834.058
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		645.573.903.942	31.922.122.064
210	I Các khoản phải thu dài hạn		308.940.577	247.907.200
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	308.940.577	247.907.200
220	II. Tài sản cố định		577.738.220.217	23.271.175.819
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	577.738.220.217	23.271.175.819
222	- Nguyên giá		816.381.454.410	206.444.391.233
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.643.234.193)	(183.173.215.414)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		45.335.898.014	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	45.335.898.014	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		1.598.000.000	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13	1.598.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		20.592.845.134	8.403.039.045
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	15.284.945.189	8.403.039.045
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.195.873.790	-
269	3. Lợi thế thương mại	14	4.112.026.155	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		858.864.543.371	340.224.656.929

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		683.994.413.772	195.044.872.716
310	I. Nợ ngắn hạn		243.766.272.075	195.039.872.716
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	111.882.358.994	104.884.075.889
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	9.214.624.836	8.155.407.933
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	13.606.928.958	5.379.392.139
314	4. Phải trả người lao động		4.437.978.940	6.888.191.295
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	7.812.716.577	449.595.679
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.659.107.756	4.687.449.594
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	84.122.197.622	61.825.496.375
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	5.415.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.615.358.392	2.770.263.812
330	II. Nợ dài hạn		440.228.141.697	5.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	5.000.000	5.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	440.223.141.697	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		174.870.129.599	145.179.784.213
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	174.870.129.599	145.179.784.213
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		64.800.000.000	60.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		64.800.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.960.000.000	15.960.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.514.367.796	54.514.367.796
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(5.730.006.824)	14.705.416.417
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		9.905.416.417	13.675.059.876
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(15.635.423.241)	1.030.356.541
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		45.325.768.627	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		858.864.543.371	340.224.656.929

Quân
Trần Văn Quân
Người lập

Ngô Quốc Thế
Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng




Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2017


Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	238.746.829.438	380.383.369.194
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	178.506.364	9.477.173.863
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	238.568.323.074	370.906.195.331
11	4. Giá vốn hàng bán	26	227.226.826.494	352.398.394.395
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.341.496.580	18.507.800.936
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	256.026.757	14.784.802
22	7. Chi phí tài chính	28	13.913.782.608	7.271.540.183
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.913.782.608	7.271.540.183
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	12.848.397.635	9.522.441.345
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.164.656.906)	1.728.604.210
31	11. Thu nhập khác	30	1.221.207.099	1.471.355.630
32	12. Chi phí khác	31	1.132.439.317	2.112.665.380
40	13. Lợi nhuận khác		88.767.782	(641.309.750)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(15.075.889.124)	1.087.294.460
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	105.729.897	56.937.919
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(15.181.619.021)	1.030.356.541
61	17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(15.635.423.241)	1.030.356.541
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		453.804.220	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	2.413	159


Trần Văn Quân
Người lập


Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng



Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(15.075.889.124)	1.087.294.460
	2. Điều chỉnh cho các khoản		33.210.942.646	22.283.130.856
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		12.745.365.739	14.576.625.064
03	- Các khoản dự phòng		8.004.237.246	1.920.788.257
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.452.442.947)	(1.485.822.648)
06	- Chi phí lãi vay		13.913.782.608	7.271.540.183
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.135.053.522	23.370.425.316
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		74.075.688.738	(2.185.958.332)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		69.264.281.054	36.695.656.971
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(34.068.770.413)	(42.603.748.135)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.220.708.576)	10.390.956.700
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.053.878.057)	(7.271.540.183)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(163.022.908)	(700.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.400.000.000)	(1.568.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		100.568.643.360	16.127.792.337
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(3.951.564.546)	(2.093.410.706)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		6.466.363.637	2.772.727.272
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.448.000.000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(102.162.550.603)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		256.026.757	14.784.802
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(103.839.724.755)	694.101.368
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		101.527.464.822	147.049.451.105
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(97.230.763.575)	(158.399.257.683)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.010.000)	(9.537.100.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.281.691.247	(20.886.907.078)

TS-C.T
TY
HỮU HẠN
M TOÁN
SC
M-TP-P

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
 Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

*Năm 2016
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 (Tiếp theo)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.010.609.852	(4.065.013.373)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.440.058.676	7.505.072.049
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.450.668.528</u>	<u>3.440.058.676</u>

Quản

Trần Văn Quân
 Người lập

Ngô Quốc Thế
 Kế toán trưởng



Trần Văn Tài
 Tổng Giám đốc

Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2017



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được thành lập theo Quyết định số 22 CT/HĐQT ngày 20/12/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7.04 Joint - Stock Company, viết tắt là Song Da 7.04.

Vốn điều lệ của Công ty là: 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ lên 64.800.000.000 đồng; tương đương 6.480.000 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính trong năm của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình thủy điện, bưu điện; khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình; xử lý chống thấm; đóng cọc móng; khoan khai thác nước, khoan cọc nhồi, khoan nổ mìn;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng. Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	Tỉnh Lai Châu	51,67%	51,67%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7	Tỉnh Lâm Đồng	84,79%	84,79%	Thủy điện

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn:

Trong năm Công ty thực hiện mua 3.100.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 từ Công ty Cổ phần Sông Đà 7 theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 14/2016/HĐCNCP/SĐ7-SĐ704 ngày 21/11/2016 với giá là 10.000 VND/ cổ phiếu tương ứng với tổng giá trị là 31.000.000.000 VND.

Trong năm Công ty thực hiện mua 10.175.362 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 từ Công ty Cổ phần Sông Đà 7 theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 410/2016/HĐCNCP/SĐ7-SĐ704 ngày 04/10/2016 với giá là 10.000 VND/ cổ phiếu tương ứng với tổng giá trị là 101.753.620.000 VND.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

- Công trình Nhà máy Thủy điện Lai Châu và Nhà máy Thủy điện Huội Quảng đã vào giai đoạn cuối, khối lượng thi công xây dựng giảm làm ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu cung cấp vừa bề tổng của Công ty trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất đá tại Mỏ đá Đạm Lét tại Vũng Áng, Hà Tĩnh chưa đạt sản lượng theo kế hoạch do khó khăn về đầu ra cho sản phẩm cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Theo Nghị quyết số 19CT/NQ - HĐQT ngày 30 tháng 09 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 đã thông qua chủ trương tiếp tục đầu tư thi công dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi (dự án tạm dừng từ năm 2013 do gặp một số vấn đề khó khăn về thủ tục và nguồn vốn). Đây là dự án trọng điểm của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02, trong năm Công ty tập trung toàn bộ nguồn lực cho việc triển khai thực hiện dự án và quyết toán các hợp đồng xây lắp dở dang với chủ đầu tư.
- Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 30,5 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối âm 5,7 tỷ đồng. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:
 - Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá được kế hoạch tăng trưởng doanh thu trong thời gian tới;
 - Công ty đang tập trung công tác quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án Thủy điện Lai Châu, Thủy điện Huội Quảng, Nhà máy Xi măng Mai Sơn;
 - Công ty đẩy mạnh sản xuất cung cấp vừa bê tông Thương phẩm tại Hà Nội tại 2 trạm trộn tại Nguyễn Xiển và An Khánh;
 - Công ty tiếp tục triển khai thực hiện thi công công trình thủy điện Nậm Thi 1 và Nậm Thi 2;
 - Nhà máy thủy điện Yan Tann Sien đi vào vận hành ổn định.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Trong đó: Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2016 của Công ty bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh Quý 4/2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 (là công ty con từ 04/10/2016) và không bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 (là Công ty con từ 21/11/2016).

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua khoản đầu tư ở công ty đó.
Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình, sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

Trong năm 2016, Công ty đang thực hiện điều chỉnh lại khung khấu hao đối với một số Máy móc thiết bị và Phương tiện vận tải truyền dẫn. Điều này dẫn đến chi phí khấu hao năm 2016 giảm so với khi trích theo khung khấu hao cũ năm 2015 số tiền là 4,1 tỷ đồng.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, nên khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan..., được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20. Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là: Chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo điểm 5, điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ được ưu đãi thuế suất 10% trong vòng 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty đã áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên từ năm 2008.

Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015 là năm đầu tiên dự án phát sinh thu nhập chịu thuế (Theo Biên bản Kiểm tra của Cục Thuế Lâm Đồng ngày 29/07/2016) nên công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2015 đến năm 2018 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2019 đến năm 2027.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.364.121.843	1.503.550.559
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.086.546.685	1.936.508.117
	4.450.668.528	3.440.058.676

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	11.767.071.948	132.441.518.133
Chi nhánh Sông Đà 6.01	10.672.779.799	10.661.973.038
Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	5.730.344.792	8.073.422.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	25.954.564.245	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	16.089.948.868	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	50.932.084.585	30.458.834.210
	121.146.794.237	181.635.747.881

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Mạnh Cường	4.758.036.949	(4.758.036.949)	-	-
Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển Năng lượng	3.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	3.000.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	12.653.067.101	(2.766.990.605)	2.002.739.328	-
	23.911.104.050	(7.525.027.554)	2.002.739.328	-

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Trong năm Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 cho Công ty Cổ phần Sông Đà 7 vay theo Hợp đồng tín dụng số 07/2016/SĐ7/THĐ ngày 23/08/2016 với các nội dung điều khoản như sau:

- Hạn mức vay: 5.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Hình thức đảm bảo: Tín chấp;
- Thời hạn vay: 03 tháng;
- Lãi vay: 9%/năm;
- Số phải thu về cho vay đến thời điểm 31/12/2016 là: 5.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	187.090.657	-	388.983.328	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	45.000.000	-
Tạm ứng	2.388.263.924	-	2.143.265.810	-
Phải thu khác	9.582.590.418	(280.661.407)	7.195.866.302	-
- Phải thu Ban ĐHDA Thủy điện Sơn La	5.921.010.931	-	5.867.459.955	-
- Phải thu Ban ĐHDA Thủy điện Huội Quảng	-	-	780.612.158	-
- Công ty CP Licogi 13	458.688.927	-	458.688.927	-
- Phải thu ông Nguyễn Như Sùng tiền ứng thi công	808.632.530	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	2.394.258.030	(280.661.407)	89.105.262	-
	12.157.944.999	(280.661.407)	9.773.115.440	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	308.940.577	-	247.907.200	-
	308.940.577	-	247.907.200	-

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng 1-5	1.712.823.369	-	1.712.823.369	-
Công ty TNHH Mạnh Cường	4.758.036.949	-	-	-
Các đối tượng nợ phải thu khác	7.722.632.344	2.981.397.182	1.345.597.557	1.063.505.327
	14.193.492.662	2.981.397.182	3.058.420.926	1.063.505.327

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.813.365.523	-	3.384.500.624	-
Công cụ, dụng cụ	181.044.110	-	65.859.460	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.701.594.554	-	102.083.821.669	-
- Tại công trình Thủy điện Lai Châu	24.216.627.834	-	88.507.561.721	-
- Tại công trình Thủy điện Huội Quảng	1.729.996.223	-	3.046.736.951	-
- Tại công trình Thủy điện Nậm Thi	6.971.892.112	-	-	-
- Tại công trình Thủy điện Bản Chát	7.474.716.762	-	-	-
- Tại công trình Nhà máy Xi măng Mai Sơn ^[*]	7.074.985.701	-	7.074.985.701	-
- Tại các Công trình khác	3.233.375.922	-	3.454.537.296	-
Thành phẩm	623.243.908	-	7.839.885.328	-
Hàng hoá	932.288.049	-	-	-
	56.251.536.144	-	113.374.067.081	-

[*] Công trình Kho tròn đồng nhất đá vôi thực hiện tại nhà máy Xi măng Mai Sơn được thực hiện từ năm 2010, hiện Công trình đang chờ quyết toán với chủ đầu tư.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	83.489.999	56.888.000
	83.489.999	56.888.000
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	296.974.867	-
- Lợi thế thương mại ^[*]	3.900.000.000	-
- Chi phí Trạm trộn tại An Khánh và Nguyễn Xiển	4.458.668.786	2.621.913.318
- Chi phí phục vụ khai thác Mỏ đá Đạm Lét - Hà Tĩnh và Mỏ đá Om Làng - Hoà Bình	6.629.301.536	5.753.111.627
- Lán trại phụ trợ	-	28.014.100
	15.284.945.189	8.403.039.045

[*] Đây là lợi thế thương mại hạch toán tại Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 khi mua lại Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Thi. Công ty sẽ thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này khi Nhà máy Thủy điện Nậm Thi đầu tư hoàn thành và đi vào hoạt động.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HƯỚNG HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	2.081.728.938	163.413.278.335	40.777.109.869	172.274.091	206.444.391.233					
- Mua trong năm	111.500.000	3.921.954.546	153.260.000	-	4.186.714.546					
- Tăng do đầu tư góp vốn ^[1]	268.935.961.423	287.869.840.844	72.102.881.777	215.501.727	629.124.185.771					
- Thanh lý, nhượng bán ^[2]	-	(797.938.091)	(22.493.899.049)	(82.000.000)	(23.373.837.140)					
Số dư cuối năm	271.129.190.361	454.407.135.634	90.539.352.597	305.775.818	816.381.454.410					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	484.588.799	148.778.406.529	33.752.603.704	157.616.382	183.173.215.414					
- Khấu hao trong năm	2.866.351.110	6.935.487.741	2.468.418.042	18.217.050	12.288.473.943					
- Tăng do đầu tư góp vốn	22.418.192.889	29.787.131.107	8.876.192.293	203.918.240	61.285.434.529					
- Thanh lý, nhượng bán ^[2]	-	(797.938.091)	(17.223.951.602)	(82.000.000)	(18.103.889.693)					
Số dư cuối năm	25.769.132.798	184.703.087.286	27.873.262.437	297.751.672	238.643.234.193					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	1.597.140.139	14.634.871.806	7.024.506.165	14.657.709	23.271.175.819					
Tại ngày cuối năm	245.360.057.563	269.704.048.348	62.666.090.160	8.024.146	577.738.220.217					

^[1] Là khoản tăng do mua Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 và Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02. Trong đó tại Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 (công ty con) khi thực hiện quyết toán công trình nhà máy thủy điện Yan Tann Sien đã thực hiện điều chỉnh giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của công trình Nhà máy thủy điện Yan Tann Sien và ghi giảm nợ phải trả nhà thầu với số tiền 16.204.372.273 VND, đồng thời đã ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của một số giá trị hạng mục công trình và công nợ phải trả nhà thầu với giá trị 4.209.536.612 VND khi chưa có xác nhận bằng văn bản của các bên. Trong số liệu hợp nhất Báo cáo tài chính bao gồm số liệu điều chỉnh này tại Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7.

^[2] Trong năm 2016, Công trình Nhà máy Thủy điện Lai Châu và Nhà máy Thủy điện Huội Quảng đã cơ bản thi công xong. Công ty đang thực hiện các thủ tục quyết toán hoàn thành với chủ đầu tư. Công ty tiến hành thanh lý các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn không có nhu cầu sử dụng, thu nhập từ thanh lý tài sản trong năm là 6.466.363.637 VND, giá trị còn lại của tài sản thanh lý là 5.269.947.447 VND.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 554.013.694.461 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 89.915.075.051 VND.



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Thi	45.335.898.014	-
	45.335.898.014	-

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Nậm Thi do Công ty CP Sông Đà 7.02 làm chủ đầu tư với tổng công suất thiết kế của nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 là 10MW và nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 là 8MW. Tổng mức đầu tư được phê duyệt cho Nhà máy thủy điện Nậm Thi 1 là 308 tỷ VND và Nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 là 263 tỷ VND. Thời gian dự kiến hoàn thành Nhà máy Nậm Thi 1 là Quý I/2019, Nhà máy Nậm Thi 2 là quý II/2018.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn cuối năm là khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên với các thông tin chi tiết sau:

- Giá trị ghi sổ: 1.598.000.000 VND;
- Địa chỉ: Bản Dền, Xã Bản Hồ, Huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai;
- Tỷ lệ lợi ích: 10,81%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 36,67%;
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên đã tạm ngừng hoạt động. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	4.568.917.951	-
Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	(456.891.796)	-
Số dư cuối năm	4.112.026.155	-

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	5.949.105.417	5.949.105.417
Phải trả các đối tượng khác	3.265.519.419	2.206.302.516
	9.214.624.836	8.155.407.933



Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong – Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Thành Long	2.387.635.870	2.387.635.870	26.298.055.350	26.298.055.350
Công ty CP Bắc Sơn	6.595.612.016	6.595.612.016	11.095.612.016	11.095.612.016
Công ty CP Kinh doanh Xi măng Miền Bắc	669.570.279	669.570.279	14.169.570.279	14.169.570.279
Công ty TNHH Dịch vụ Hà Lam	15.167.050.129	15.167.050.129	1.545.765.000	1.545.765.000
Công ty CP Someco Sông Đà	12.752.180.966	12.752.180.966	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	74.310.309.734	74.310.309.734	51.775.073.244	51.775.073.244
	111.882.358.994	111.882.358.994	104.884.075.889	104.884.075.889

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp tăng do hợp nhất		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.487.832.374	8.817.327.614	7.588.617.029	10.496.439.134	-	9.397.337.883	-	4.172.578	-	85.438.950	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	61.465.589	-	105.729.897	163.022.908	-	-	-	41.669.604	-	1.062.498.594	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	115.410.187	100.587.827	1.172.936	131.732.000	-	-	-	-	-	41.669.604	-
Thuế tài nguyên	-	83.006.105	4.677.077.904	149.559.748	3.847.145.163	-	-	-	-	-	3.015.811.349	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	41.669.604	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.631.677.884	1.127.073.879	630.643.805	373.584.219	-	-	-	-	-	-	-
	-	5.379.392.139	14.763.736.828	8.475.723.415	15.011.923.424	-	13.606.928.958	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

1103
GTY
H HUU
M TO
SC
IP H

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	93.094.843	-
Phí môi trường rừng	227.822.000	-
Chi phí vật tư, vận chuyển phục vụ công trình thủy điện	1.680.807.731	-
Chi phí sửa chữa	1.674.614.182	-
Chi phí trồng rừng thay thế	1.161.948.000	-
Chi phí vận hành đường dây 110KW	1.210.461.194	-
Trích trước chi phí thi công	1.720.968.627	215.876.755
Trích trước chi phí thí nghiệm	-	190.718.924
Trích trước chi phí ca máy	43.000.000	43.000.000
	7.812.716.577	449.595.679

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.047.538.375	643.445.418
Bảo hiểm xã hội	52.719.559	511.398.751
Bảo hiểm y tế	8.181.405	52.451.737
Bảo hiểm thất nghiệp	3.758.100	23.313.880
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.546.910.317	3.456.839.808
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>1.573.479.862</i>	<i>281.024.500</i>
- <i>Các khoản trả hộ Công ty CP Thủy điện Sập Việt</i>	<i>462.248.336</i>	<i>462.248.336</i>
- <i>Phải trả bà Nguyễn Thị Tuyết Lan vay không tính lãi</i>	-	<i>1.801.418.000</i>
- <i>Phải trả bà Trương Thị Lệ vay không tính lãi</i>	-	<i>500.000.000</i>
- <i>Thù lao hội đồng quản trị</i>	<i>633.050.000</i>	-
- <i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>1.878.132.119</i>	<i>412.148.972</i>
	5.659.107.756	4.687.449.594
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000
	5.000.000	5.000.000

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng phải trả cho các hợp đồng có rủi ro lớn	5.415.000.000	-
	5.415.000.000	-

Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 16/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2016 của Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 đã quyết định trích lập chi phí dự phòng phải trả năm 2016 cho công tác lắp đặt đường ống áp lực, nhà máy, thi công đường vận hành VH1, VH2 với số tiền 5.415.000.000 VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
 Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

2.1. VAY

	01/01/2016		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Tăng do hợp nhất
	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	61.825.496.375	61.825.496.375	100.527.464.822	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	18.000.000.000
	61.825.496.375	61.825.496.375	100.527.464.822	18.000.000.000
b) Vay dài hạn				
Vay dài hạn	-	-	1.000.000.000	458.223.141.697
			1.000.000.000	458.223.141.697
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	(18.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	(18.000.000.000)
				440.223.141.697
				440.223.141.697

(10/15/2016)

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Vay ngắn hạn				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	Thả nổi	Thế chấp (*)	66.122.197.622	61.825.496.375
- Vay ông Nguyễn Hữu Nhuận	8%	Tin chấp	59.968.197.622	61.825.496.375
- Vay ông Nguyễn Hữu Doanh	8%	Tin chấp	850.000.000	-
- Vay ông Phạm Đức Thuận	8%	Tin chấp	4.000.000.000	-
			1.304.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	Thả nổi	Thế chấp (*)	18.000.000.000	-
			18.000.000.000	-
			84.122.197.622	61.825.496.375

(*) Khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Năm đáo hạn	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016
				VND	VND
2027	VND	Theo từng kế ước nhận nợ	Thế chấp (*)	33.165.788.052	-
2025	VND	Theo từng kế ước nhận nợ	Thế chấp (*)	425.057.353.645	-
				458.223.141.697	-

(*) Khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Đã kiểm tra
Đã kiểm tra
Đã kiểm tra
Đã kiểm tra
Đã kiểm tra

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND			VND	VND		
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	15.960.000.000	15.960.000.000	48.302.310.709	25.506.856.956	-	-	149.769.167.665
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.030.356.541	-	-	1.030.356.541
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.800.000.000)	-	-	(4.800.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.212.057.087	(6.212.057.087)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(819.739.993)	-	-	(819.739.993)
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	15.960.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	14.705.416.417	-	-	145.179.784.213
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	15.960.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	14.705.416.417	-	-	145.179.784.213
Tăng vốn trong năm nay ^[*]	4.800.000.000	-	-	-	(4.800.000.000)	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(15.635.423.241)	-	-	(15.635.423.241)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	45.325.768.627	45.325.768.627
Số dư cuối năm nay	64.800.000.000	15.960.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	(5.730.006.824)	-	45.325.768.627	174.870.129.599

[*] Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 09/NQ-DHCCD/2016 ngày 25/04/2016, và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/NQ-SD74-HĐQT ngày 11/05/2016

Công ty đã thực hiện hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến 480.000 cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ cổ tức là 8%/cổ phiếu;
- Nguồn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2015;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách có tên trong danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu thanh toán cổ tức năm 2014;
- Ngày phát hành hoàn thành: 22/06/2016;
- Ngày Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận: niêm yết bổ sung cổ phiếu: 29/07/2016.

11/01/2017

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
 Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sông Đà Miền Bắc	15.200.000.000	23,46%	-	0,00%
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.496.000.000	3,85%	31.200.000.000	52,00%
- Ông Phạm Đức Thuận	11.225.960.000	17,32%	-	0,00%
- Ông Nguyễn Văn Hùng	8.000.000.000	12,35%	-	0,00%
- Các cổ đông khác	27.878.040.000	43,02%	28.800.000.000	48,00%
	64.800.000.000	100%	60.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64.800.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	4.800.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	64.800.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.800.000.000	4.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.800.000.000	4.800.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.480.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.480.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.480.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.480.000	6.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của Tổng công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	54.514.367.796	54.514.367.796
	54.514.367.796	54.514.367.796

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động sản xuất bê tông, cát, đá	148.851.479.999	348.703.749.202
Doanh thu bán vật tư	43.100.866.574	4.786.578.280
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.607.156.628	18.596.252.720
Doanh thu bán điện	37.899.323.689	-
Doanh thu khác	7.288.002.548	8.296.788.992
	238.746.829.438	380.383.369.194

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	103.325.847
Giảm giá hàng bán	178.506.364	9.373.848.016
	178.506.364	9.477.173.863

25. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động sản xuất bê tông, cát, đá	148.672.973.635	339.418.473.944
Doanh thu bán vật tư	43.100.866.574	4.786.578.280
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.607.156.628	18.440.494.181
Doanh thu bán điện	37.899.323.689	-
Doanh thu khác	7.288.002.548	8.260.648.926
	238.568.323.074	370.906.195.331

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động sản xuất bê tông, cát, đá	161.428.150.068	322.915.192.501
Giá vốn của hoạt động xây lắp	1.501.460.855	16.553.385.145
Giá vốn của vật tư đã bán	41.082.595.291	4.777.957.134
Giá vốn của hoạt động sản xuất điện	16.744.799.874	-
Giá vốn của hoạt động khác	6.469.820.406	8.151.859.615
	227.226.826.494	352.398.394.395

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	256.026.757	14.784.802
	256.026.757	14.784.802

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.913.782.608	7.271.540.183
	13.913.782.608	7.271.540.183

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.784.208	252.348.436
Chi phí nhân công	2.970.198.721	5.418.415.629
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	115.780.460	198.421.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.879.505	346.273.215
Thuế, phí và lệ phí	151.498.750	184.028.698
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.589.237.246	1.920.788.257
Chi phí dự phòng phải trả cho các hợp đồng có rủi ro lớn ^[*]	5.415.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	423.114.507	656.495.898
Chi phí khác bằng tiền	306.012.442	545.669.439
Lợi thế thương mại	456.891.796	-
	12.848.397.635	9.522.441.345

[*] Xem chi tiết thuyết minh số 20.

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.221.207.099	1.471.037.846
Thu từ xử lý công nợ phải trả	-	317.784
	1.221.207.099	1.471.355.630

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	24.790.909	-
Tiền phạt vi phạm, chậm nộp, truy thu thuế	623.146.542	2.112.665.380
Các khoản khác	484.501.866	-
	1.132.439.317	2.112.665.380

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(15.075.889.124)	1.087.294.460
Các khoản điều chỉnh tăng	8.776.056.788	51.463.920
- Dự phòng nợ phải thu	2.589.237.246	-
- Dự phòng khác	5.415.000.000	-
- Khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ nguyên giá trên 1,6 tỷ	115.673.000	-
- Các khoản nộp phạt thuế, phạt chậm nộp thuế và BHXH	623.146.542	51.463.920
- Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	33.000.000	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(6.299.832.336)	1.138.758.380
- Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty mẹ được ưu đãi thuế suất 10%, giảm 50%	(19.198.238.420)	1.139.192.466
- Thu nhập chịu thuế TNDN được miễn theo ưu đãi ^[1]	12.898.069.739	-
- Thu nhập chịu thuế TNDN không được ưu đãi	336.345	(434.086)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	105.729.897	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	105.729.897	56.937.919
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	61.465.589	704.527.670
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(163.022.908)	(700.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.172.578	61.465.589

^[1] Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên - Sông Đà 7 được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2015 là năm đầu tiên dự án phát sinh thu nhập chịu thuế (Theo Biên bản Kiểm tra của Cục Thuế Lâm Đồng ngày 29/07/2016) nên công ty được miễn thuế thu nhập từ năm 2015 đến năm 2018 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2019 đến năm 2027.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(15.635.423.241)	1.030.356.541
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(15.635.423.241)	1.030.356.541
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.480.000	6.480.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.413)	159

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	128.219.045.392	239.313.707.388
Chi phí nhân công	15.103.029.121	29.912.257.411
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	673.885.936	454.887.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.288.473.943	14.576.625.064
Thuế, phí và lệ phí	151.498.750	808.434.386
Chi phí dự phòng	8.004.237.246	1.920.788.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.917.252.173	42.018.373.281
Chi phí khác bằng tiền	4.662.041.237	1.360.782.450
Tổng cộng	181.019.463.798	330.365.856.213

111
CỘNG
HÀNH
SỐ KÌ
AF
AFKH

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.450.668.528	-	3.440.058.676	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133.613.679.813	(3.687.067.926)	191.656.770.521	(1.994.915.599)
Các khoản cho vay	5.000.000.000	-	-	-
Cộng	143.064.348.341	(3.687.067.926)	195.096.829.197	(1.994.915.599)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	524.345.339.319	61.825.496.375
Phải trả người bán, phải trả khác	117.546.466.750	109.576.525.483
Chi phí phải trả	7.812.716.577	449.595.679
Cộng	649.704.522.646	171.851.617.537

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.450.668.528	-	4.450.668.528
Phải thu khách hàng, phải thu khác	129.617.671.310	308.940.577	129.926.611.887
Các khoản cho vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng	139.068.339.838	308.940.577	139.377.280.415
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.440.058.676	-	3.440.058.676
Phải thu khách hàng, phải thu khác	189.413.947.722	247.907.200	189.661.854.922
Cộng	192.854.006.398	247.907.200	193.101.913.598

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	84.122.197.622	126.000.000.000	314.223.141.697	524.345.339.319
Phải trả người bán, phải trả khác	117.541.466.750	5.000.000	-	117.546.466.750
Chi phí phải trả	7.812.716.577	-	-	7.812.716.577
Cộng	209.476.380.949	126.005.000.000	314.223.141.697	649.704.522.646
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	61.825.496.375	-	-	61.825.496.375
Phải trả người bán, phải trả khác	109.571.525.483	5.000.000	-	109.576.525.483
Chi phí phải trả	449.595.679	-	-	449.595.679
Cộng	171.846.617.537	5.000.000	-	171.851.617.537

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp		Hoạt động sản xuất công nghiệp		Hoạt động bán điện		Hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn Tập đoàn	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.607.156.628	148.672.973.635	37.899.323.689	50.388.869.122	238.568.323.074	-	-	238.568.323.074	-	-	-	-	238.568.323.074	
Giá vốn của hàng bán	1.501.460.855	161.428.150.068	16.744.799.874	47.552.415.697	227.226.826.494	-	-	227.226.826.494	-	-	-	-	227.226.826.494	
Lợi nhuận từ hoạt động	105.695.773	(12.755.176.433)	21.154.523.815	2.836.453.425	11.341.496.580									11.341.496.580
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	4.186.714.546	-	-	4.186.714.546	-	-	4.186.714.546	-	-	-	-	4.186.714.546	
Tài sản bộ phận	107.553.493.972	216.405.728.851	590.995.185.016	73.345.139.212	988.299.547.051	-	-	(131.033.003.680)	-	-	-	-	857.266.543.371	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.598.000.000	
Tổng Tài sản	107.553.493.972	216.405.728.851	590.995.185.016	73.345.139.212	988.299.547.051			(131.033.003.680)					858.864.543.371	
Nợ phải trả của các bộ phận	53.131.991.065	122.738.024.309	470.973.511.311	41.598.887.087	688.442.413.772	-	-	(4.448.000.000)	-	-	-	-	683.994.413.772	
Tổng nợ phải trả	53.131.991.065	122.738.024.309	470.973.511.311	41.598.887.087	688.442.413.772			(4.448.000.000)					683.994.413.772	

Theo khu vực địa lý

T toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	101.527.464.822	147.049.451.105

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	97.230.763.575	158.399.257.683

c) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Nhận chuyển nhượng cổ phần bù trừ nợ phải thu	28.273.583.099	-

39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan sau:

Giao dịch phát sinh với các bên liên quan trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Mua hàng			
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty mẹ	2.171.266.301	-
Bán hàng			
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty mẹ	31.644.489.545	188.988.677.817
Chi trả cổ tức			
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty mẹ	-	2.496.000.000
Vay vốn			
- Ông Nguyễn Hữu Nhuận	Thành viên HĐQT	850.000.000	-
- Ông Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	4.000.000.000	-
- Ông Phạm Đức Thuận	Cổ đông lớn	1.304.000.000	-

117
 ĐÓNG
 CHỮ
 KIỂM
 KÊ
 SỔ
 01-1P

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 Báo cáo tài chính hợp nhất
 Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:


	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Vay cá nhân			
- Ông Nguyễn Hữu Nhuận	Thành viên HĐQT	850.000.000	-
- Ông Nguyễn Hữu Doanh	Chủ tịch HĐQT	4.000.000.000	-
- Ông Phạm Đức Thuận	Cổ đông lớn	1.304.000.000	-


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	779.327.964	892.599.554

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Trần Văn Quân
 Người lập


 Ngô Quốc Thê
 Kế toán trưởng


 Trần Văn Tài
 Tổng Giám đốc
 Sơn La, ngày 25 tháng 03 năm 2017


IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ THÀNH VIÊN QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Thành viên Hội đồng quản trị*****Ông Nguyễn Hữu Doanh- Thành viên HĐQT***

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Doanh**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 111112275 Ngày cấp: 03/9/2003 Nơi cấp: Hà Tây
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1968
- Nơi sinh: Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: BT 07 Hyundai Hillstate Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 7/1987 – 12/1994: Nhân viên kỹ thuật – Công ty Xây dựng công trình ngầm – Tổng Công ty Sông Đà;
 - ✓ Từ 1/1995 – 12/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Xây dựng Sông Đà 8 – Tổng Công ty Sông Đà;
 - ✓ Từ 1/1997 – 06/2002: Học Đại học Xây dựng Hà Nội;
 - ✓ Từ 7/2002 – 01/2004: Đội trưởng đội xây lắp số I – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 02/2004 – 12/2007: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 – 05/2012: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
 - ✓ Từ 06/2012 – 09/2016: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.04;

- ✓ Từ 10/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 7.04
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
 - Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2017*): **5.400** cổ phần
 - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Nguyễn Văn Cường – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Cường**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 130676800 Ngày cấp: 22/12/1979 Nơi cấp: Vĩnh Phú
- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1962
- Nơi sinh: Liên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Liên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình
- Địa chỉ thường trú: Phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 6/1985 - 12/1995: Kỹ thuật Công ty Xây dựng công trình ngầm;
 - ✓ Từ 01/1996 – 12/1996: Kỹ thuật Chi nhánh Công ty Xây dựng Sông Đà 8;
 - ✓ Từ 01/1997 – 12/2002: Quản đốc phân xưởng Cơ khí – Công ty Xây dựng Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2003 – 12/2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2017*): **540** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Nguyễn Xuân Đức – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Đức**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012888833 Cấp ngày 23/6/2006 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 22/05/1978
- Nơi sinh: Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Quảng Lĩnh, Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: SN01/63 Lương Đắc Bằng, Phường Đông Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy Xây dựng – Xếp dỡ
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 7/2003 – 7/2005: Kỹ thuật Xí nghiệp Nghiền sàng – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 8/2005 – 12/2007: Quản đốc Phân xưởng Nghiền sàng Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty
 - ✓ Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 – 01/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
 - ✓ Từ 02/2010 – 04/2012: Giám đốc Công ty CP thủy điện Sập Việt;

- ✓ Từ 05/2012 – 02/2016: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- ✓ Từ 02/2016 – 09/2016: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty
- ✓ Từ 10/2016 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.02
- Số cổ phần đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017): **4.320** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Nguyễn Hữu Nhuận – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Nguyễn Hữu Nhuận
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 10/09/1973
- Nơi sinh : Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111191736, Cấp ngày 10/02/2001 Nơi cấp Hà Tây
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : LK3, KĐT Nam La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện
- Quá trình công tác :
 - ✓ Từ 08/2005 - 10/2008: Nhân viên thu phí – Công ty BOT Đèo Ngang
 - ✓ Từ 01/2009 - 03/2010 : Thợ điện – Công ty CP Sông Đà Thăng Long
 - ✓ Từ 04/2010 - 05/2014: Kỹ sư hệ thống điện – Công ty CP Sông Đà Thăng Long
 - ✓ Từ 06/2014 - 05/2016: Phó giám đốc – Công ty TNHH đầu tư xây dựng Safico
 - ✓ Từ 06/2016 đến nay: Thành viên chuyên trách HĐQT Công ty CP Sông Đà 7.04
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó giám đốc – Công ty TNHH đầu tư xây dựng Safico

- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017):

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Doanh**

Quan hệ: **Anh trai**

Số cổ phần nắm giữ: **5.400** cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Hoàng Nguyên Ngọc - Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Hoàng Nguyên Ngọc
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 03/10/1980
- Nơi sinh : Yên Thường, Gia Lâm , Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 001080002257, Cấp ngày 02/7/2014, Nơi cấp: Hà Nội
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiên Phong, Duy Tiên, Hà Nam.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 812 A, Khu Thăng Long Number 1, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, HN
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04 35528507
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử - Viễn Thông
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - ✓ Từ 07/2002: Trưởng phòng kinh doanh – Liên hiệp Quang Hóa Điện tử - Viện Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam.
 - ✓ Từ 11/2010 – 05/2015: Giám đốc CN Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình.
 - ✓ Từ 06/2015 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc CN Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc CN Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình..
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

2. Thành viên Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Tài – Tổng giám đốc

- Họ và tên : Trần Văn Tài
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 09/03/1979
- Nơi sinh : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 141884542, Cấp ngày 09/7/2011 Nơi cấp Hải Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú : Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 04/2004 - 09/2004: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 10/2004 - 12/2004: Phó quản đốc phân xưởng bê tông số II - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2005 - 04/2005: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 05/2005 - 06/2005: Phó Ban quản lý cơ giới - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 07/2005 – 10/2006: Quản đốc phân xưởng bê tông - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 11/2006 – 12/2007: Trưởng Ban quản lý cơ giới vật tư - Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2008 – 03/2011: Trưởng phòng Quản lý cơ giới vật tư - Công ty CP Sông Đà 704
 - ✓ Từ 04/2011 – 07/2012: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ 08/2012 – 09/2013: Giám đốc Công ty TNHH MTV Sông Đà 701
 - ✓ Từ 10/2013 – 01/2016: Phó phòng Quản lý cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 02/2016 – đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 4.860 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 3.564 cổ phần
 - Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền**
Quan hệ: **Vợ**
Số cổ phần nắm giữ: **108** cổ phần
 - Họ và tên: **Trần Thị Hiền**
Quan hệ: **Em gái**
Số cổ phần nắm giữ: **3.456** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Nguyễn Văn Cường – Phó Tổng giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như phần V nêu trên)

Ông Nguyễn Anh Lam - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Anh Lam
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 24/9/1981
- Nơi sinh : Phú Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 182151453, Cấp ngày 13/7/1995 Nơi cấp nghệ An
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế thủy lợi.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 8/2004 - 12/2005: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 705 – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2006 - 12/2006: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 704 - Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 01/2007 - 10/2007: Phó ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 11/2007 - 12/2007: Trưởng ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2008 – 03/2013: Trưởng phòng KTTH – Công ty CP Sông Đà 704.

- ✓ Từ 03/2013 – 09/2013: Thành viên HĐQT kiêm trưởng phòng KTTH Công ty CP Sông Đà 704.
- ✓ Từ 10/2013 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 704
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Kế toán trưởng***Ông Ngô Quốc Thế - Kế toán trưởng***

- Họ và tên: **Ngô Quốc Thế**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 012172224 Ngày cấp: 29/03/2014 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1981
- Nơi sinh: Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tràng An, Bình Lục, Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Số 41 ngách 455/46 tổ Yên Hà, Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên

- Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Cử nhân Tin Kinh tế
- Quá trình công tác:

- ✓ Từ 11/2003 – 12/2005: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7;

- Địa chỉ thường trú : P.203 Nhà 17 T10, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan : 0437959066.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán.
- Quá trình công tác :
- ✓ Từ 9/1994 - 6/1998 : Sinh viên Trường Đại học Tài chính kế toán;
- ✓ Từ 7/1998 - 12/2006 : Công tác tại Tổng công ty Sông Đà;
- ✓ Từ 1/2007 - 11/2008 : Phó Kế toán trưởng Tổng công ty Sông Hồng;
- ✓ Từ 12/2008 - nay : Công tác tại Tổng công ty Sông Đà .
- ✓ Chức vụ hiện tại : Không
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan với Công ty: không.

Ông Quất Văn Quang – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **Quất Văn Quang**
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 04/8/1976
- Nơi sinh : xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 121332738 ngày cấp: .20/10/2012 nơi cấp CA Bắc Giang
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : Liên kề 7, Dự án Tổng cục 5, Bộ Công an, Tân Triều,

Thanh Trì, Hà Nội

- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - ✓ Từ 08/2003 - 03/2004: Nhân viên phòng kỹ thuật – Công ty lắp máy LILAMA.
 - ✓ Từ 04/2004 - 11/2004: Nhân viên phòng cơ giới vật tư – Công ty CP Sông Đà 5
 - ✓ Từ 12/2004 - 04/2013: Trưởng ban Vật tư Cơ giới Xí nghiệp 503, Công ty CP Sông Đà 5
 - ✓ Từ 05/2013 đến nay: Trưởng phòng vật tư thiết bị – Công ty CP Sông Đà 7
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 12.188 cổ phần
 - Họ Tên: Chu Thị Chiến
 - Quan hệ: Vợ
 - Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017): 12.188 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Nguyễn Trọng Tiêu – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **Nguyễn Trọng Tiêu**
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 12/02/1978
- Nơi sinh : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111639630 Cấp ngày 26/08/2014 Nơi cấp CA Hà Nội
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư giao thông
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

Trang 69

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

- ✓ Từ 08/2002 - 12/2004: Nhân viên phòng kỹ thuật - Công ty Sông Đà 7.
- ✓ Từ 01/2005 - 9/2007: Trưởng ban KTTH Xí nghiệp bê tông (Nay là Công ty CP Sông Đà 7)
- ✓ Từ 10/2007 - 7/2010: Kinh doanh tự do
- ✓ Từ 8/2010 - 11/2011: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Yên Châu
- ✓ Từ 12/2011 - 11/2013: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình.
- ✓ Từ 11/2013 - 03/2016: Phó phòng KTTH - Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04.
- ✓ Từ 04/2016 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH bê tông Sông Đà

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Bê tông Sông Đà
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2017) : 432 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 6.480.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.480.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

2. Cơ cấu cổ đông:

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/03/2017:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty TNHH đầu tư thương mại Sông Đà	Số 41 TT 7 KĐT Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội, Viet Nam	105362335	1.520.000	23,46%
2	Phạm Đức Thuận	CTCP Sông đà 7.04	113016692	1.122.596	17,32%
3	Nguyễn Văn Hùng	Hiền Giang, Thường tín, Hà tây	112125745	800.000	12,35%
	Tổng cộng			3.442.596	53,13%

- Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 31/03/2017:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổ chức	06	1.828.920	28,22%
	+ Trong nước	06	1.828.920	28,22%
	+ Ngoài nước		0	0%
2	Cá nhân	481	4.651.080	71,78%
	+ Trong nước	477	4.546.196	70,16%
	+ Ngoài nước	04	104.884	1,62%
	TỔNG SỐ	487	6.480.000	100%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2016 Công ty có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu bằng việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 8% vốn điều lệ.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2016 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.

5. Giao dịch chứng khoán khác:

Trong năm 2016 Công ty không có hoạt động giao dịch chứng khoán khác.

Sơn La, ngày 18 tháng 04 năm 2017

Tổng giám đốc

Trần Văn Tài